

Số: /2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

(Dự thảo lần 03)

NGHỊ ĐỊNH

**Về chính sách đặc thù trong tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng
và tạo nguồn cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 13/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc;

Chính phủ ban hành Nghị định về chính sách đặc thù trong tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và tạo nguồn cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số,

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số đang làm việc tại các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội từ tỉnh đến xã;

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến xã;

2. Phạm vi áp dụng: Các xã, huyện, tỉnh thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Giai đoạn thực hiện: Từ năm 2020 đến năm 2030.

Điều 2. Mục tiêu

1. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi có trình độ chuyên môn và năng lực trong xử lý công việc; am hiểu phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

2. Tuyển dụng, tạo nguồn đội ngũ cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số nhằm đảm bảo về tỷ lệ, cơ cấu dân tộc hợp lý; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh của các địa phương trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3. Tạo điều kiện thuận lợi để những người có tài năng phát huy tốt nhất năng lực, trí tuệ, đóng góp có hiệu quả vào sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội của vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Chương II TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC

Điều 3. Chính sách áp dụng

Tuyển dụng công chức thực hiện theo các quy định tại Điều 3 đến Điều 19 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; các quy định tại Khoản 1 đến Khoản 11, Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp. Ngoài ra, đối với tuyển dụng công chức người dân tộc thiểu số còn được thực hiện theo các quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị định này.

Điều 4. Thẩm quyền tuyển dụng công chức

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định hằng năm dành tỷ lệ biên chế chưa sử dụng, bao gồm cả biên chế sau khi đã thực hiện tinh giản và giải quyết chế độ nghỉ hưu đúng tuổi hoặc thôi việc theo quy định của pháp luật để tuyển dụng mới công chức người dân tộc thiểu số theo tỷ lệ cụ thể:

- Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là tỉnh) có tỷ lệ cán bộ dân tộc thiểu số tham gia vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh tối thiểu là 3% đến 20% trên tổng biên chế được giao, tùy thuộc vào tỷ lệ người dân tộc thiểu số trên tổng dân số của tỉnh.

- Đối với huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là huyện) có tỷ lệ cán bộ dân tộc thiểu số tham gia vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện tối thiểu là 5% đến 35% trên tổng biên chế được giao, tùy thuộc vào tỷ lệ người dân tộc thiểu số trên tổng dân số của huyện.

- Đối với xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) có tỷ lệ cán bộ dân tộc thiểu số tham gia vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã tối thiểu là 10% đến 50% trên tổng biên chế được giao, tùy thuộc vào tỷ lệ người dân tộc thiểu số trên tổng dân số của xã.

2. Căn cứ vào dân số người dân tộc thiểu số của tỉnh, đặc thù của các đơn vị trực thuộc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ chỉ tiêu tuyển dụng công chức người dân tộc thiểu số cho từng cơ quan, đơn vị.

3. Hằng năm, các cơ quan, đơn vị của tỉnh chưa tuyển dụng được số công chức người dân tộc thiểu số theo chỉ tiêu đã phân bổ phải tiếp tục dành chỉ tiêu biên chế để tuyển dụng công chức người dân tộc thiểu số. Đến năm 2030 các tỉnh phải đạt được mục tiêu tỷ lệ cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số theo quy định.

4. Phân đấu tỷ lệ cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số tính trên tổng số cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị của tỉnh tương ứng với tỷ lệ dân số người dân tộc thiểu số trên tổng dân số của tỉnh.

Điều 5. Ưu tiên trong tuyển dụng

1. Người dân tộc thiểu số thuộc nhóm 16 dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại Nghị định 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc và 11 dân tộc thiểu số có chất lượng nguồn nhân lực thấp quy định tại Nghị quyết 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030 và học sinh học theo chế độ cử tuyển theo quy định Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 và Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân nếu có bằng tốt nghiệp đại học từ loại khá trở lên và thành thạo tiếng dân tộc của mình thì được tham gia xét tuyển.

2. Ưu tiên thực hiện xét tuyển đối với đối tượng quy định tại Điều 11 Nghị định này.

Điều 6. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển, xét tuyển

1. Người dự tuyển là người dân tộc thiểu số được Hội đồng tuyển dụng lập danh sách riêng để xác định người trúng tuyển.

2. Xác định người trúng tuyển bằng cách lấy điểm từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu tuyển dụng công chức người dân tộc thiểu số trong kỳ thi tuyển, xét tuyển; thí sinh người dân tộc thiểu số trúng tuyển phải có số điểm ít nhất phải bằng 60% số điểm của người dân tộc Kinh đạt điểm thấp nhất nhưng trúng tuyển trong cùng một hội đồng thi tuyển, xét tuyển. Quy định này áp dụng cho cả 02 vòng thi tuyển và xét tuyển.

Điều 7. Trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức

1. Người dân tộc thiểu số thuộc thành phần các dân tộc rất ít người và chưa có người tham gia làm cán bộ, công chức tính chung trên địa bàn tỉnh có dân tộc đó sinh sống, nếu có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên thì được tiếp nhận không qua thi tuyển vào công chức.

2. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quy định đối tượng tại Khoản 1, Điều này.

Chương III **ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC**

Điều 8. Chính sách áp dụng

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2025. Ngoài ra, đối với đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số còn được thực hiện theo các quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định này.

Điều 9. Đào tạo cán bộ, công chức

1. Đào tạo trình độ đại học

a) Cán bộ, công chức cấp xã thuộc đối tượng, phạm vi quy định của Nghị định này được ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí đào tạo;

b) Mức hỗ trợ 50 triệu đồng/người/khóa học, bao gồm toàn bộ các chi phí tối thiểu về học phí, tài liệu học tập, phương tiện đi lại, hỗ trợ ăn nghỉ...;

c) Kinh phí hỗ trợ được chi trả đều theo từng kỳ cho người học kể từ khi có thông báo nhập học đến khi nhận bằng tốt nghiệp;

d) Kinh phí hỗ trợ đào tạo đại học do cơ quan cử đi học chi trả cho cán bộ, công chức từ nguồn chi thường xuyên hàng năm do ngân sách trung ương đảm bảo phân cấp cho địa phương.

2. Đào tạo sau đại học

a) Cán bộ, công chức thuộc đối tượng, phạm vi của Nghị định này đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1, Điều 6 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí đào tạo;

b) Đào tạo trình độ thạc sĩ: Mức hỗ trợ 150 triệu đồng/người/khóa học, bao gồm toàn bộ các chi phí tối thiểu về học phí, tài liệu học tập, phương tiện đi lại, hỗ trợ ăn nghỉ...;

c) Đào tạo trình độ tiến sĩ: Mức hỗ trợ 200 triệu đồng/người/khóa học, bao gồm toàn bộ các chi phí tối thiểu về học phí, tài liệu học tập, phương tiện đi lại, hỗ trợ ăn nghỉ...;

d) Kinh phí hỗ trợ được chi trả đều theo từng kỳ cho người học kể từ khi có thông báo nhập học đến khi nhận bằng tốt nghiệp;

đ) Kinh phí hỗ trợ đào tạo sau đại học do cơ quan cử đi học chi trả cho cán bộ, công chức từ nguồn chi thường xuyên hàng năm do ngân sách trung ương đảm bảo phân cấp cho địa phương.

Điều 10. Bồi dưỡng cán bộ, công chức

1. Cán bộ, công chức thuộc đối tượng quy định tại Nghị định này được bồi dưỡng kiến thức hàng năm và được hỗ trợ kinh phí tổ chức bồi dưỡng từ ngân sách nhà nước;

2. Ngoài nội dung chương trình bồi dưỡng theo quy định hiện hành, cán bộ, công chức thuộc đối tượng quy định tại Nghị định này còn được bồi dưỡng hàng năm về tri thức bản địa, kiến thức về phát triển bền vững và nhân học;

3. Kinh phí bồi dưỡng cán bộ, công chức thuộc đối tượng quy định tại Nghị định này do ngân sách trung ương đảm bảo phân cấp cho địa phương;

4. Mức chi cho các hoạt động bồi dưỡng thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương IV TẠO NGUỒN CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Điều 11. Tạo nguồn cán bộ, công chức từ học sinh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách giáo dục đào tạo đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường bán trú và dự bị đại học nhằm tạo nguồn nhân lực dân tộc thiểu số tham gia vào các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh nói chung và tạo nguồn cán bộ, công chức nói riêng.

Điều 12. Tạo nguồn cán bộ công chức từ sinh viên đại học

Sinh viên người dân tộc thiểu số đang theo học đại học tại các cơ sở giáo dục đại học trong nước có nguyện vọng và cam kết sau khi tốt nghiệp sẽ về làm việc tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi của Nghị định này thì khi tuyển dụng được ưu tiên xét tuyển vào công chức.

Điều 13. Thu hút sinh viên tốt nghiệp các trường đại học và người dân tộc thiểu số có trình độ sau đại học

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

Điều 14. Quy hoạch cán bộ, công chức

Hàng năm các cơ quan, tổ chức, đơn vị rà soát, đưa vào quy hoạch công chức người dân tộc thiểu số dựa trên các yếu tố: cơ cấu, số lượng, tuổi, giới tính, ngành nghề, dân tộc theo cơ cấu: “Đối với cấp tỉnh, tỷ lệ công chức người dân

tộc thiểu số đưa vào quy hoạch tối thiểu là 10-20% trên tổng số công chức đưa vào quy hoạch; đối với cấp huyện từ 20-40%; đối với cấp xã từ 30-50%”.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 14. Các Bộ, ngành Trung ương

1. Ủy ban Dân tộc

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định;

b) Tổng hợp nhu cầu, kinh phí thực hiện Nghị định của các địa phương gửi Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ bố trí ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho địa phương theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Nghị định ở các địa phương. Định kỳ 6 tháng và hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

2. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc trình Thủ tướng Chính phủ bố trí ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho địa phương theo quy định.

b) Hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Nghị định theo quy định hiện hành.

c) Phối hợp với Ủy ban Dân tộc tổ chức thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Nghị định ở các địa phương.

3. Bộ Nội vụ

a) Hướng dẫn tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo quy định tại Nghị định này.

b) Phối hợp với Ủy ban Dân tộc tổ chức thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Nghị định ở các địa phương.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Hướng dẫn các cơ sở đào tạo đại học tuyển sinh và thực hiện chính sách đối với người học theo quy định tại Nghị định này.

b) Chỉ đạo tăng cường chất lượng giáo dục đào tạo đối với hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường bán trú và dự bị đại học.

5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này.

Điều 15. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Phê duyệt kế hoạch tổng thể giai đoạn 2020-2030 về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và tạo nguồn cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số báo cáo Thủ tướng Chính phủ, hoàn thành trong Quý II năm 2020.

2. Hàng năm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện Nghị định gửi Ủy ban Dân tộc để tổng hợp.

3. Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách trên địa bàn bảo đảm đúng quy định, chống thất thoát và tiêu cực.

4. Định kỳ 6 tháng, hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện gửi Ủy ban dân tộc để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2020

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng cán bộ, công chức chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu VT, TCCV (2).KN

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

